



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

MỤC LỤC

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

Phần II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

PHẦN III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Phòng KT - XD

Phòng Kỹ thuật - xây dựng

Phòng TC - HC

Phòng Tổ chức - hành chính

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban kiểm soát

VLXD

Vật liệu xây dựng

BGD

Ban Giám Đốc

BHYT

Bảo hiểm y tế



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
MÃ CHỨNG KHÓA	VXB
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÍ DOANH NGHIỆP SỐ	1300108704 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/09/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 21/06/2018
VỐN ĐIỀU LỆ	40.490.060.000 đồng
VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	40.490.060.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 12, đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
SỐ ĐIỆN THOẠI	(0275) 3822 319 – 3829 857
SỐ FAX	(0275) 3822 319
WEBSITE	www.vlxdbentre.com
EMAIL	vlxdbentre@yahoo.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

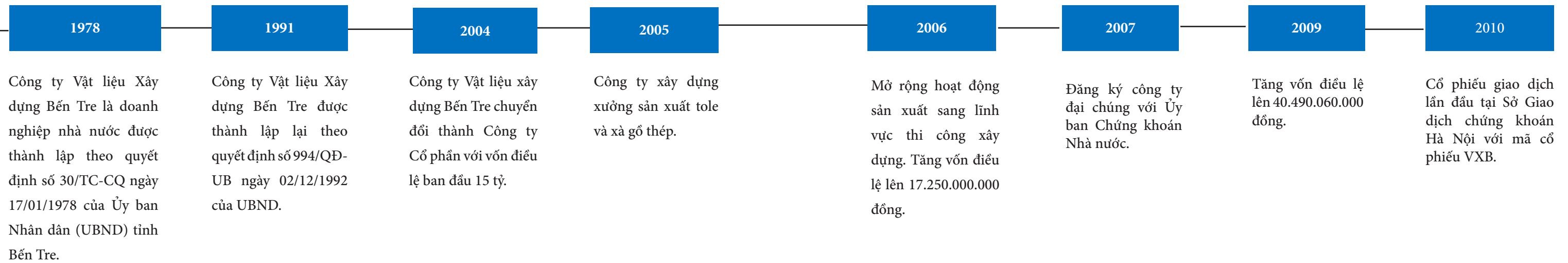


Vattlieuxaydungbentre

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

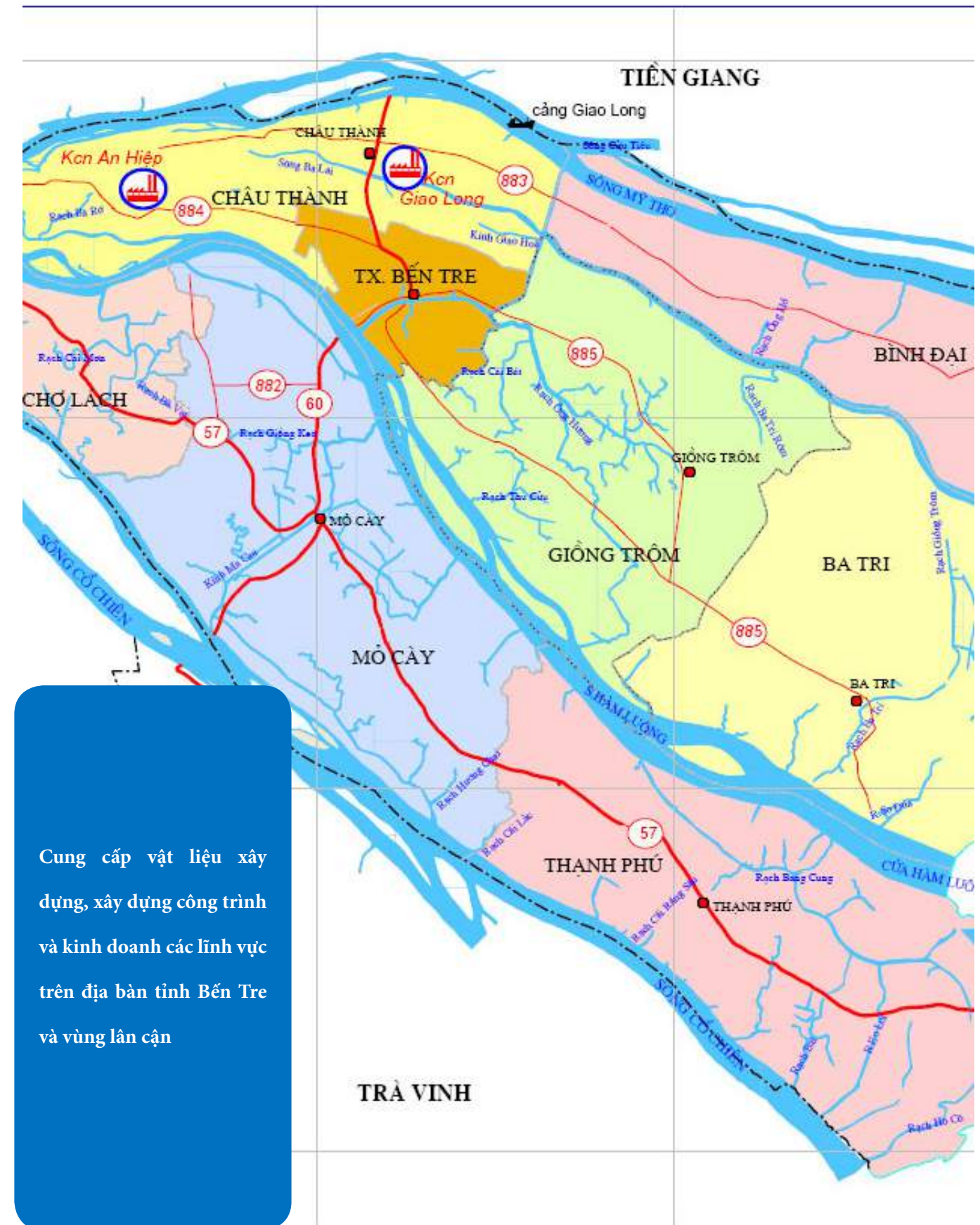
Huân chương lao động hạng 3 năm 1996;
Huân chương lao động hạng 2 năm 2002;
Chính phủ tặng Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác của tỉnh Bến Tre năm 2003;
Huân chương Lao động hạng nhất năm 2008;

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





ĐỊA BÀN KINH DOANH



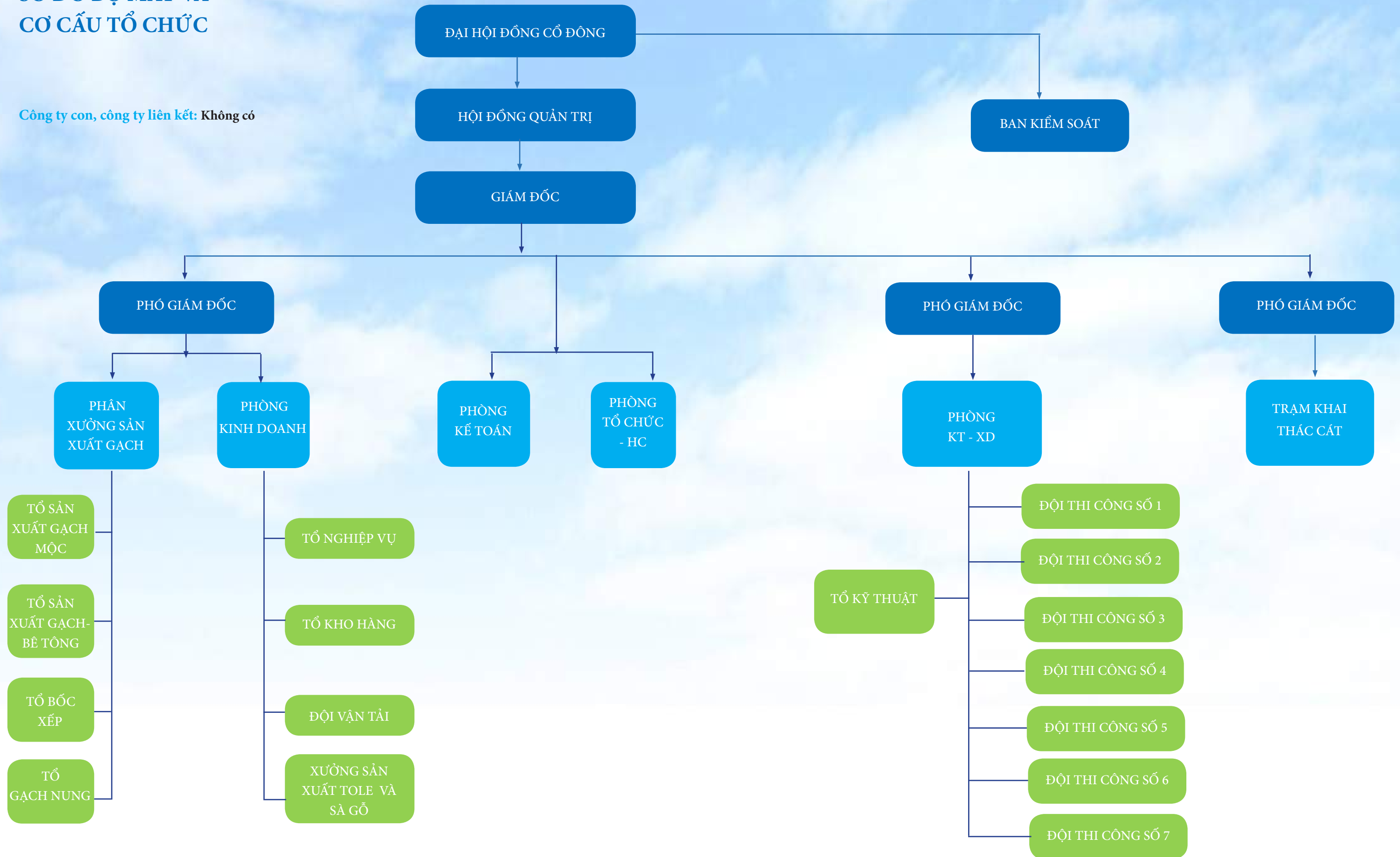
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất.
- Khai thác cát sông.
- Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty con, công ty liên kết: Không có



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trong địa bàn tỉnh Bến Tre và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tạo niềm tin cho cổ đông hiện hữu để làm tiền đề thu hút vốn đầu tư của cổ đông mới.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, uy tín của Công ty trong tỉnh, hướng đến mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực các tỉnh phụ cận.

CÁC MỤC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Trung hạn: Triển khai nhanh, hiệu quả các dự án Công ty làm chủ đầu tư; nâng cao chất lượng thi công, xây dựng các công trình; tăng cường chiếm lĩnh thị phần vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Dài hạn: Mở rộng địa bàn thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng ra các tỉnh lân cận.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Theo báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2018 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, năm 2018, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động trái chiều: Trung Quốc, châu Âu, Nhật Bản cho thấy sự phát triển chậm lại, nhưng riêng nền kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh và tiếp tục chứng tỏ là trụ cột của tăng trưởng kinh tế thế giới, giúp tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn ở mức cao 3,7%. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho khối lượng thương mại toàn cầu giảm mạnh năm 2018 chỉ còn 4,2% (thấp hơn so với mức tăng trưởng 4,7% trong năm 2017) và năm 2019 dự kiến chỉ tăng 4%.

Năm 2018, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận. Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6% trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Lạm phát được kiểm soát dưới 3,6%, lạm phát cơ bản duy trì ổn định dưới 1,5%. Nền tảng kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì và củng cố. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng có xu hướng tăng là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 2019.

Những thay đổi trong nền kinh tế luôn tác động đến các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng luôn song hành cùng sự phát triển của đất nước. Tình hình kinh tế năm 2019 được mong đợi sẽ có những tín hiệu tích cực khi Chính phủ tiếp tục đưa ra những chính sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút tốt dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế và thực hiện tốt các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, VXB luôn quan tâm đến những chính sách, biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước nhằm đưa ra những định hướng phát triển phù hợp.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Các Công ty đại chúng niêm yết và giao dịch hợp pháp trên thị trường chứng khoán đều phải tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các luật chuyên ngành, các nghị định và thông tư liên quan. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng việc cập nhật đầy đủ và tuân thủ các quy định pháp điều tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành và Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Các loại sản phẩm vật liệu xây dựng gồm cát, gạch, đá, thép, xi măng... vừa là nguyên liệu đầu vào và đầu ra nên biến động giá chung các mặt hàng này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty, thêm vào đó, các quy định về tải trọng và giá nguyên liệu cũng làm chi phí vận chuyển và bán hàng của Công ty tăng lên, do đó, Công ty có thể không tận dụng được lợi thế khi nhu cầu xây dựng đang tăng cao trong thời gian gần đây.

Ngoài ra, cạnh tranh trong ngành vật liệu cũng đang dần trở nên gay gắt do việc hội nhập chung của đất nước, các Công ty nước ngoài có cơ hội tham gia vào thị trường Việt Nam, đặc biệt cạnh tranh cao nhất từ các sản phẩm nhập khẩu Trung Quốc trong ngành vật liệu xây dựng gồm xi măng, sắt, thép... do có lợi thế về quy trình sản xuất, công nghệ và giá rẻ hơn.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc thực hiện theo quy định liên quan đến ngành nghề kinh doanh, bất kỳ công ty sản xuất nào cũng chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ môi trường. Đây là vấn đề rất được quan tâm trong thời gian gần đây do ý thức người dân tăng cao, việc bảo vệ môi trường là một yếu tố quan trọng để thể hiện hình ảnh đẹp và uy tín của Công ty trên thị trường, nhất là khi hoạt động khai thác cát sông tiềm ẩn nguy cơ gây sạt lở, làm đục nước sông gây ảnh hưởng đến điều kiện sống của dân cư và sinh vật ven sông. Vì thế để đảm bảo hoạt động kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ đúng quy định về quy trình và sản lượng khai thác cát nói riêng cũng như các yêu cầu chung về môi trường.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro trên thì Công ty còn có khả năng phải đối mặt với những rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, cháy nổ... Những rủi ro này có thể đem lại thiệt hại vô cùng lớn cho Công ty. Do đó, để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, VXB chủ động sử dụng các biện pháp bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho người lao động, trang bị kiến thức về Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên...





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Kết quả kinh doanh năm 2018 VXB đạt được như sau:

- Doanh thu thuần đạt hơn 226,72 tỷ đồng tăng tương đương 8,93 % so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 2,36 tỷ đồng, giảm 53,85% lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2017.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017	KH 2018	Năm 2018	2018/2017	TH/KH 2018
Tổng doanh thu	212.595	225.000	227.298	106,92%	101,02%
Lợi nhuận trước thuế	6.391	6.600	3.018	47,22%	45,72%

TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG DOANH THU, LỢI NHUẬN GIAI ĐOẠN 2014 - 2018

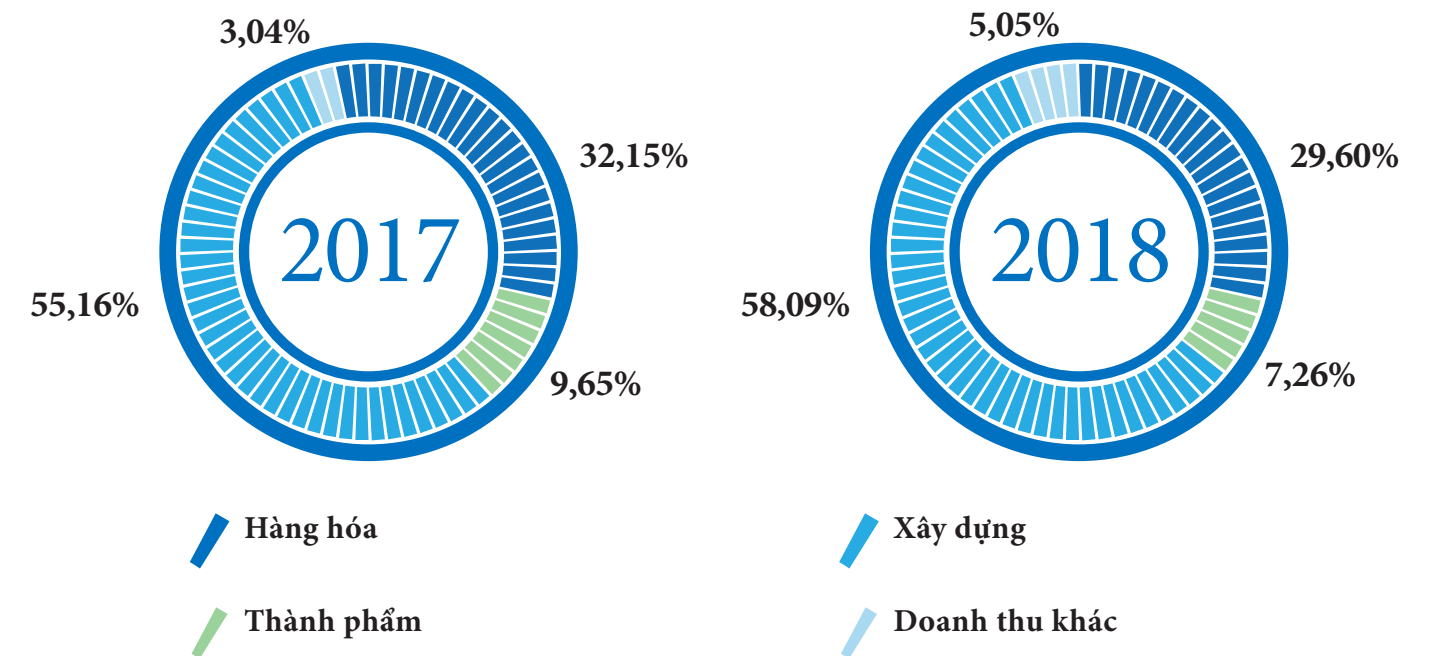
Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	233.864	206.467	213.588	208.428	226.723
Lợi nhuận gộp	24.049	20.909	21.130	22.250	21.857
% LN gộp/DTT	10,28%	10,13%	9,89%	10,68%	9,63%

CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hàng hóa	67.006	32,15%	67.193	29,60%
Bán thành phẩm	20.116	9,65%	16.485	7,26%
Xây dựng	114.963	55,16%	131.899	58,09%
Doanh thu khác	6.343	3,04%	11.457	5,05%
Tổng cộng	208.428	100%	227.034	100%



Năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp không ít khó khăn như: Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, mảng xây dựng khan hiếm nguồn nguyên liệu, giá nguyên liệu tăng cao; xây dựng xã nông thôn mới chưa đạt kế hoạch đề ra; tình hình trật tự đô thị, ô nhiễm môi trường một số nơi xử lý chưa đạt hiệu quả; công tác giải phóng mặt bằng và huy động sức dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gặp khó khăn; kinh tế tập thể hoạt động thiếu ổn định, năng lực cạnh tranh chưa cao; tình trạng khai thác cát trái phép, ô nhiễm môi trường trong sản xuất,....

Ngoài những khó khăn chung của thị trường thì vẫn còn tồn tại sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ, các áp lực tăng sản lượng tiêu thụ từ nhà sản xuất, những khó khăn chưa được tháo gỡ kịp thời từ công tác quyết toán thi công xây dựng; tình hình giải ngân vốn các công trình chậm; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản; lãi suất cho vay của ngân hàng vẫn còn cao; v.v... đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây dựng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng được xác định là lĩnh vực chủ lực của Công ty với doanh thu gần như luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu chiếm 58,09% năm 2018. Bên cạnh đó, mảng doanh thu lớn thứ 2 là mảng kinh doanh vật liệu xây dựng, năm 2018 đạt 67,19 tỷ đồng, chiếm 29,60% doanh thu.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đại diện/sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	755.896	18,67%
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	556.98	13,76%
3	Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám Đốc	3.543	0,09%
4	Lê Quốc Cường	Phó Giám Đốc	39.502	1,00%
5	Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	-	-

Tóm tắt lý lịch ban điều hành

Ông Phan Quốc Thông – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	67.565 cổ phiếu chiếm 1,69% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	688.331 cổ phiếu, chiếm 16,70% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	1970
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	556.984 cổ phiếu, chiếm 13,76% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Hoài Yên – Phó Giám đốc

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Kỹ sư Xây dựng
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.543 cổ phiếu chiếm 0,09% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Lê Quốc Cường – Phó Giám đốc

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.9502 cổ phiếu chiếm 1,00% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Phan Tấn Mỹ – Kế toán trưởng

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Giới tính	111	100%
1	Nam	95	85,59%
2	Nữ	16	14,41%
II	Trình độ	111	100%
1	Trên đại học	-	0%
2	Đại học, cao đẳng	42	37,84%
3	Trung cấp	17	15,32%
4	Công nhân kỹ thuật	25	22,52%
5	Lao động phổ thông	27	24,32%



Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ ngày, 44 giờ/ tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm có thể sắp xếp linh hoạt hơn.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng với người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo được năng lực phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định chính sách tiền lương căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, theo doanh thu và tiền lương được trả cho người lao động và hiệu quả công việc. Chính sách lương thưởng, phúc lợi của Công ty đảm bảo cán bộ, công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc họ đảm nhận. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động là mỗi 2-4 năm.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty như: trợ cấp cho người lao động khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc.

Ngoài ra hàng năm công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho cán bộ nhận viên của công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, chính sách thăm nom, chế độ đối với lao động nữ,... và các chế độ phúc lợi khác theo qui định của Bộ luật lao động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng trong công tác đảm bảo an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, đối với các nhân viên làm việc trực tiếp ở lò nung, Công ty cũng có những chính sách đãi ngộ riêng biệt.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	5.200.000	5.400.000	4.643.335

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÚ TÂN, TP BẾN TRE - GIAI ĐOẠN 1:

Qui mô dự án:

- Diện tích: 28.592 m².
- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 99,8 tỷ đồng.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÚ TÂN - GIAI ĐOẠN 2:

Qui mô dự án:

- Diện tích xây dựng: 86.900 m².
- Diện tích đất ở: 47.000 m².
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2: 198 tỷ đồng.

Tiến độ dự án :

Theo tiến độ thực hiện thì dự kiến cuối quý 2/2019 xác định được giá trị chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau đó sẽ xác định lại giá bán nền tái định cư và giá bán nền thương mại trình phương án phê duyệt giá bán. Dự kiến cuối tháng 6/2019 các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thành; tháng 7/2019 thông báo cho khách hàng biết để nắm thông tin và triển khai công tác đấu giá bán nền..

DỰ ÁN XÂY DỰNG CHỢ MỸ THẠNH AN - TP BẾN TRE

Dự án đầu tư xây dựng chợ Mỹ Thạnh An - TP Bến Tre là dự án đầu tư mới, có cấu trúc hạ tầng kỹ thuật khu thương mại đầy đủ, đúng yêu cầu quy hoạch của UBND TP Bến Tre. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ hình thành một tổ hợp khu thương mại, góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của xã Mỹ Thạnh An nói riêng và của TP Bến Tre nói chung. Ngoài ra còn giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương và các vùng phụ cận, đóng góp vào ngân sách địa phương.

Qui mô dự án:

- Diện tích 1.816,5 m², trong đó diện tích cho thuê (nhà lồng, ki ốt) là 716,31 m², diện tích công trình phụ trợ (sân, đường, bãi giữ xe) là 912,6 m².
- Tổng mức đầu tư là 5,8 tỷ đồng.

Tiến độ dự án :

- Đơn vị đang hoàn thiện phần xây dựng, dự kiến cuối tháng 5/2019 hoàn thành và tiến hành các bước tiếp theo để bàn giao cho các cá nhân thuê mặt bằng theo hợp đồng đã ký với đơn vị.
- Kế hoạch đấu giá tiền thuê ki ốt, sạp ...: Dự kiến cuối tháng 5/2019 sẽ hoàn thành và phát sinh có doanh thu của dự án này.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

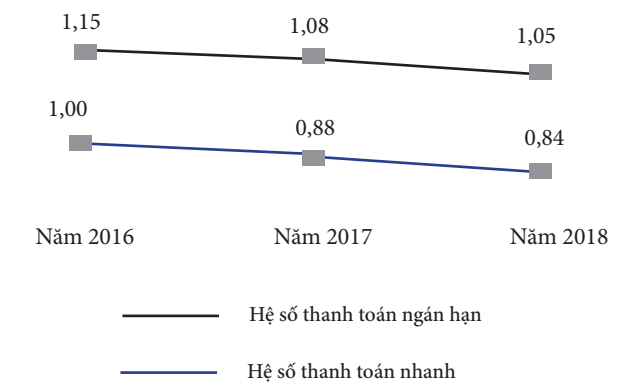


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

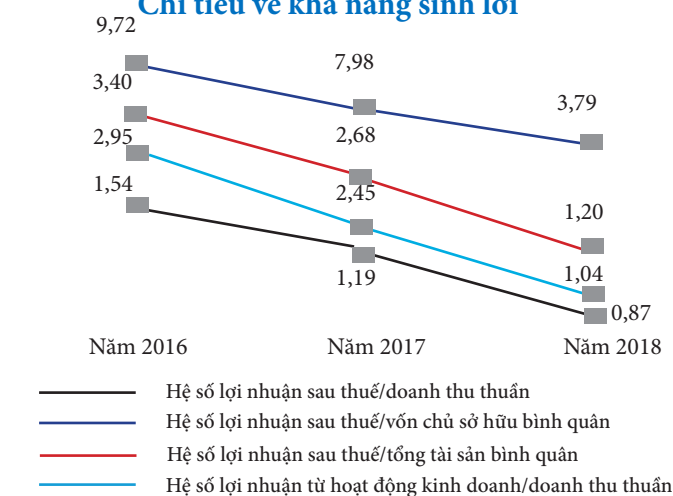
STT	Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	1,05
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,84
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	66,21	70,36
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	195,95	237,41
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	9,11	7,62
2	Vòng quay tài sản	Vòng	1,09	1,15
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,45	1,04
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	7,98	3,79
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	2,68	1,20
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,19	0,87

Hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng nên sự phục hồi của thị trường bất động sản tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nhanh hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nên cả hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2018 đều giảm so với năm 2017 và lần lượt đạt các mức 1,05 lần và 0,84 lần. Việc tích trữ hàng tồn kho 29,66 tỷ đồng và khoản tiền trả trước 2,97 tỷ đồng cho Công ty TNHH nước và môi trường Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Tấn Thuận, là nguyên nhân chính làm cho tài sản ngắn hạn tăng nhanh hơn nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



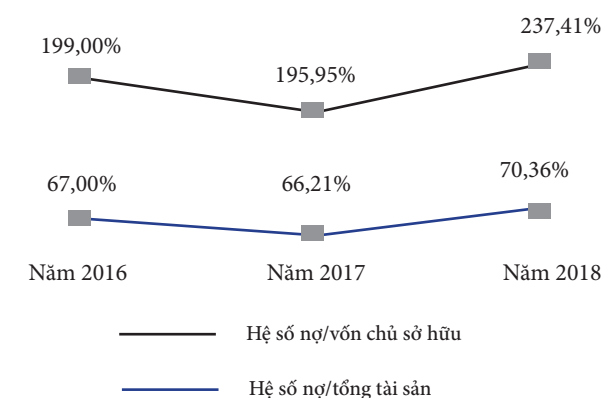
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Tất cả các các hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều có xu hướng giảm. Trong đó, chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm mạnh nhất trong cả 3 chỉ số còn lại. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế giảm đến 53,85% so với năm 2017 trong khi đó doanh thu thuần tăng 8,93%. Chỉ số ROA và ROE của Công ty giảm mạnh trong năm 2018. Cụ thể ROE giảm từ 7,98% trong năm 2017 xuống mức 3,79% trong năm 2018, ROA cũng giảm từ 2,68% xuống 1,20%. Doanh thu từ hoạt động khai thác và doanh thu bán đất nền từ khu tái định cư giảm là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt là 20,32% và 53,85% điều này ảnh hưởng tiêu cực đến cả 2 hệ số ROE và ROA.

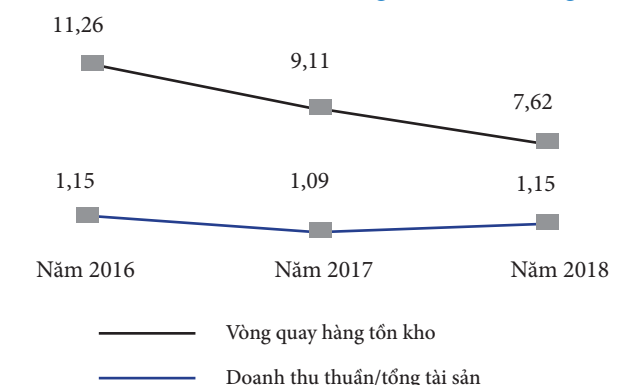
Hoạt động trong ngành xây dựng, cần nguồn vốn lớn nên Công ty sử dụng tỷ lệ nợ cao trong cơ cấu vốn của mình. Năm 2018, tỷ lệ nợ/tổng tài sản là 70,36%, cao hơn mức 66,21% năm 2017. Nợ của Công ty gia tăng chủ yếu từ hoạt động vay ngắn hạn và vay dài hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho giảm đáng kể từ 9,18 vòng năm 2017 còn 7,62 vòng trong năm 2018. Chỉ số vòng quay tổng tài sản có tăng từ 1,09 lần lên 1,15 lần. Nguyên nhân trong năm Công ty đã đầu tư gia tăng tài sản nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của Tổng tài sản.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ PHẦN

Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 4.049.006 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.049.006 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 30/03/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	196	98,98%
	Cổ đông nhà nước	1	0,50%
	Cổ đông tổ chức	1	0,50%
	Cổ đông cá nhân	194	97,98%
2	Cổ đông nước ngoài	2	1,02%
	Cổ đông tổ chức	-	-
	Cổ đông cá nhân	2	1,02%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	198	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, đại diện là:	Nhà nước	2.014.626	49,76
	Mai Thị Thanh Thủy		769.311	19,00
	Phan Quốc Thông		688.331	17,00
	Nguyễn Thanh Huy		556.984	13,76
2	Cao Toàn Thắng	Cổ đông lớn	293.500	7,25
3	Ngô Hữu Tài	Cổ đông lớn	270.126	6,67

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Đá mi bụi	m ³	555	108.414.810	636	154.664.172
2	Cát vàng	m ³	147	4.901.568	136	8.378.876
3	Đá hạt	Kg	88.900	92.366.626	149.250	150.864.460
4	Bột đá	Kg	157.560	157.560.000	4.859	90.800.953
5	Bột màu	Kg	3.336	117.427.200	3.822	147.432.739
6	Ximăng đen	Kg	260.100	323.564.400	308.250	364.414.204
7	Ximăng trắng	Kg	33.600	122.976.000	20.250	59.607.550
Tổng cộng		Đồng		927.210.604		976.162.954

Phương án tiết kiệm, tái chế NVL trong tương lai: Công ty chưa xây dựng phương án tiết kiệm nguyên vật liệu cụ thể nhưng trong thực tế tổ chức sản xuất có thực hiện việc kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, định mức nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản phẩm. Từng tháng có kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức qui định để điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, do đặc thù nguyên vật liệu sản xuất chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên không xây dựng kế hoạch tái chế.

Tiêu thụ năng lượng dùng cho sản xuất trong năm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Điện	kw	4.986	11.467.800	21.728	32.592.760
2	Trấu	kg	419.878	397.897.000	239.238	289.788.477

Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm:

Hiện tại Công ty chủ yếu sử dụng 2 loại năng lượng là: điện dùng để sản xuất gạch bê tông; điện và trấu dùng cho sản xuất gạch đất sét nung. Mặc dù chưa có phương án cụ thể nhưng trong thực tế luôn thực hiện bố trí nhân sự, máy móc hoạt động đồng bộ, liên tục để tiết kiệm điện (không để máy hoạt động dư công suất, các công đoạn phối hợp nhịp nhàng để tránh máy chạy không tải ...). Việc này được thực hiện nghiêm túc từ khi bố trí sản xuất và được kiểm tra, kiểm soát liên tục.

Đối với việc đốt trấu nung gạch đất sét, trước khi bắt đầu nung gạch phải tiến hành trình tự các khâu từ kiểm tra lò nung, chất gạch mộc đúng kỹ thuật, tỷ lệ hợp lý giữa gạch ống và gạch thẻ ... Khi nung phải thường xuyên kiểm tra nhiệt độ trong lò, thời gian nung lửa lớn, lửa nhỏ phải hợp lý để đảm bảo gạch thành phẩm đạt chất lượng (không thấp hơn tỷ lệ qui định) và tiết kiệm trấu. Sau khi nung gạch xong tiến hành thống kê, so sánh lượng trấu thực tế đưa vào nung đốt và định mức theo qui định.



CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Có chế độ bồi dưỡng cho công nhân đốt lò nung gạch hàng tháng (bằng hiện vật: đường, sữa...);
- Lương công nhân hưởng trên sản phẩm làm ra được quy định cho từng sản phẩm: như gạch bê tông 14.365 đ/m²; gạch nung 277 đồng/viên...;
- Hàng năm Công ty có tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động;
- Chế độ bảo hiểm đầy đủ (BHYT, BH tai nạn..);
- Chế độ làm việc: công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.

Chính sách lương thưởng

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ nhân viên được Ban Lãnh đạo xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty, trình ĐHCĐ/HĐQT hàng năm quyết định mức thưởng phù hợp cho Ban Lãnh đạo, cán bộ quản lý và từng cán bộ nhân viên Công ty.

Hàng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ, thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm

Người lao động tại VXB được đảm bảo các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...

Chính sách tuyển dụng

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng lao động với những người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo được năng lực và phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ người lao động về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng, kế hoạch của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, VXB phối hợp cùng với cơ quan địa phương cung ứng đầu vào cho các dự án hạ tầng, phục vụ cộng đồng, các dự án an sinh xã hội trong khu vực.

Đồng thời cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cho các công trình và cho nhu cầu nhà ở của người dân Bến Tre. Ban lãnh đạo Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động thuận lợi và phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị, phổ biến Chủ trương, Chính sách của Nhà nước cho cán bộ nhân viên, hưởng ứng thực hiện tốt các cuộc vận động Kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV AIDS, ma túy, phong trào sạch và xanh... tham gia tốt các hội thi do cấp trên tổ chức. Tiếp tục vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương cho các gia đình chính sách, thăm và tặng quà cho các gia đình cán bộ nhân viên thuộc diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ, hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở vùng sâu, vùng xa, hưởng ứng tốt công tác góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, ...

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và trong năm 2018 công ty còn tham gia trồng cây xanh và thu gom rác trong địa bàn tỉnh.





Vatlieuxaydungbentre

delivered solid results in a

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tình hình chung

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
					TH2018 /TH2017	TH2018/ KH2018
1	Tổng doanh thu	212.594.865	225.000.000	227.297.712	107%	101%
a	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.427.533	221.480.000	226.722.877	109%	102%
b	Thu nhập khác	4.150.369	3.500.000	545.576	13%	16%
c	Thu nhập hoạt động tài chính	16.963	20.000	29.259	172%	146%
2	Tổng chi phí	206.203.516	214.880.000	224.279.818	109%	104%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.391.349	6.600.000	3.017.894	47%	46%
4	Nộp ngân sách	17.748.802	18.400.000	18.862.760	106%	103%

Theo đánh giá chung của UBND tỉnh, trong năm 2018, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có bước phát triển, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển ổn định; tổng mức bán lẻ hàng hóa ... tăng khá so với cùng kỳ và đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các hoạt động VH - XH, giải quyết việc làm, chăm lo cho các đối tượng chính sách, công tác giảm nghèo và an sinh xã hội đạt kết quả khá tốt. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên. Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Đối với đơn vị thì bên cạnh những thuận lợi cũng có nhiều khó khăn, thách thức như áp lực cạnh tranh lớn, bộ máy công kênh, cơ chế hoạt động chưa linh hoạt, năng suất lao động chưa cao ... làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động trong năm qua.

Trước thực tế như trên, Ban Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình. Kịp thời có những chỉ đạo, hướng giải quyết, biện pháp tháo gỡ từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

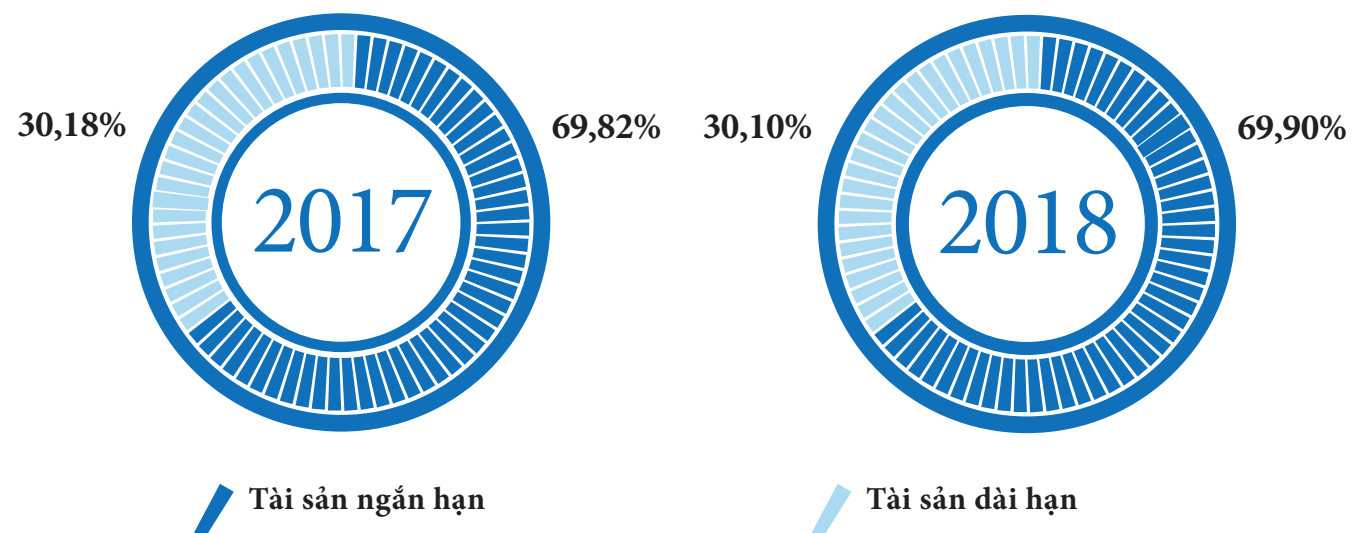
Trong năm qua, BGD đã tập trung phát huy mọi nguồn lực để hoạt động đúng mục tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tuy kết quả sản xuất kinh doanh không đạt như mong muốn nhưng đơn vị đã thực hiện đúng định hướng phát triển; kinh doanh có lãi; đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông và các thành phần trong đơn vị; giải quyết việc làm và đảm bảo cuộc sống cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác đúng quy định của Nhà nước; thực hiện tốt các phong trào, các chính sách an sinh xã hội do địa phương phát động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

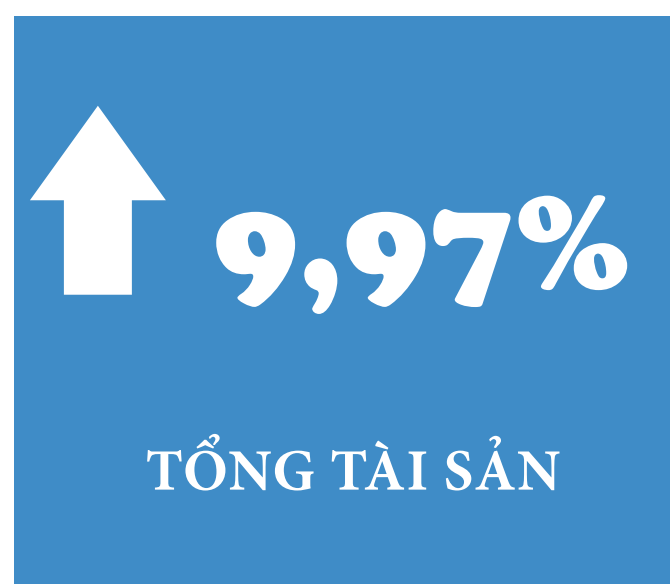
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	% tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	130.801	144.022	10,11%
Tài sản dài hạn	56.538	62.028	9,71%
Tổng tài sản	187.339	206.050	9,99%



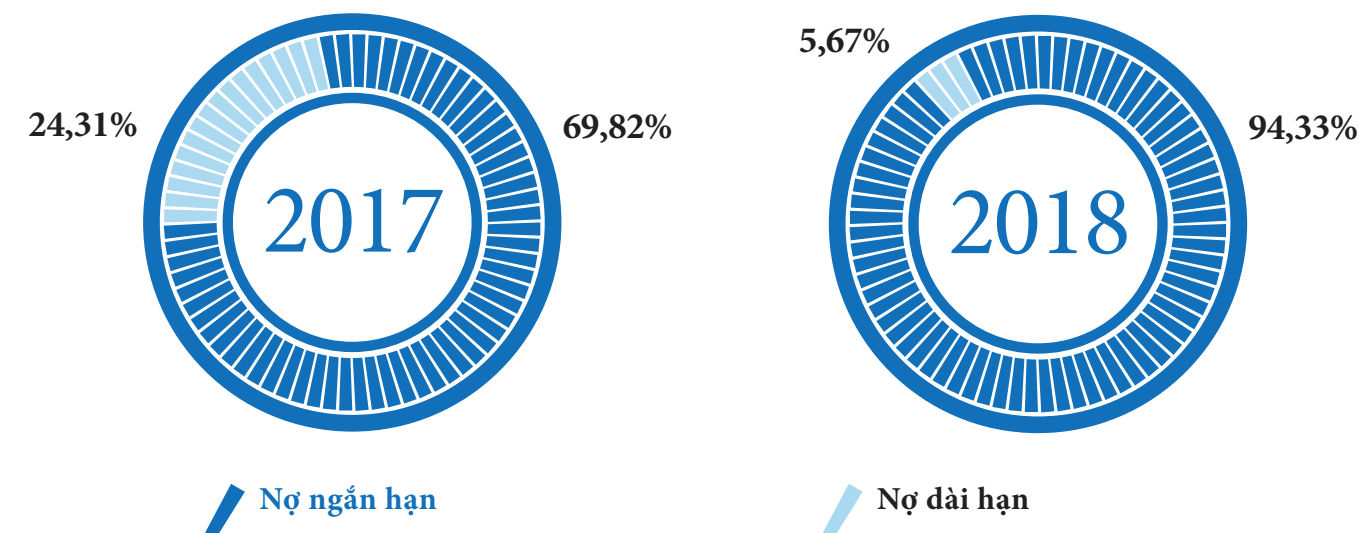
Trong năm 2018, tài sản ngắn hạn của VXB tăng 10,11% so với năm 2017 do Công ty đang dần chuyển dịch cơ cấu tổng tài sản, gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch để phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển ngành Vật liệu xây dựng của Chính phủ. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với cơ cấu tài sản dài hạn. Tại ngày 31/12/2018, Tổng tài sản đạt 206,05 tỷ đồng, tăng tương đương 9,99% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 144,02 tỷ đồng, chiếm 69,90% tổng tài sản. Giá trị tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản mục phải thu ngắn hạn tăng đến 11,42 tỷ đồng, từ mức 99,91 tỷ đồng thời điểm cuối năm 2017 lên 109,32 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2018. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn tăng 9,71%, từ 56,54 tỷ vào cuối năm 2017 lên 62,03 tỷ đồng vào cuối năm 2018 do chi phí sản xuất dở dang dài hạn tăng 12,56 tỷ so với năm 2017.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	% tăng/ giảm
Nợ ngắn hạn	121.022	136.765	13,01%
Nợ dài hạn	3.015	8.216	5,67%
Tổng nợ phải trả	124.037	144.981	16,80%



Tại thời điểm kết thúc năm 2018, tổng nợ phải trả của công ty tăng 16,80% so với giá trị ngày 31/12/2017. Trong đó, sự gia tăng của nợ ngắn hạn chính là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi tổng nợ; năm qua, sự gia tăng của khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn và các khoản thuế phải nộp Nhà nước cùng với khoản dự phòng phải trả ngắn hạn đã góp phần vào sự gia tăng lên của nợ ngắn hạn so với năm trước. Nợ dài hạn của Công ty trong năm tăng 5,67% chủ yếu đến từ khoản vay 75,86 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre để mua tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh.



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

CẢI CÁCH VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:

- Cơ cấu tổ chức không thay đổi, chỉ tập chung hơn vào tinh gọn, Các chức danh với nhiệm vụ trách nhiệm được rõ ràng và nhân sự được sắp xếp đúng với năng lực của mình .

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH :

- Kế thừa những ưu điểm của chính sách đã có , bổ sung sửa chữa cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh mới.
- Phân cấp phân quyền phân trách nhiệm cụ thể cho từng cấp quản lý. Giao ban định kỳ nên việc ra quyết định luôn nhanh chóng và trực tiếp.
- Xây dựng được các chính sách lương thưởng rõ ràng với trách nhiệm công việc.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ quản lý điều hành giảm thiểu báo cáo giấy tờ ...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

- Thực hiện chiến lược mở rộng thị trường và bán hàng linh động.
- Giảm giá hàng bán, chiết khấu số lượng...
- Nâng cao năng lực sản xuất, khai thác khoáng sản cũng như chất lượng công trình để đảm bảo uy tín trên thị trường.

CÁCH THỨC QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

- Tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương, đóng góp vì Trường Sa, Hoàng Sa,...
- Tài trợ sự kiện, quảng cáo báo chí chuyên ngành,...

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Trên cơ sở phân tích những yếu tố, các mục tiêu, năng lực của Công ty và cơ hội phát triển, Ban Giám đốc Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch 2019 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu	225.000	228.197	268.186	101,42%	118%
	<i>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>	221.480	227.034	267.556	102,51%	118%
	<i>Thu nhập hoạt động tài chính</i>	20	29	30	145,00%	103%
	<i>Thu nhập khác</i>	3.500	546	600	16%	110%
2	Tổng chi phí	214.880	224.280	259.500	105%	116%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.600	3.018	8.686	45,72%	288%
4	Số nộp ngân sách nhà nước	18.400	18.863	10.500	103%	56%

Chi tiết từng hoạt động như sau:

KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Công ty tiếp tục hoàn thiện các chính sách bán hàng cho phù hợp với tình hình mới (chính sách áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân ...) của các nhóm hàng hóa (xi măng, thép xây dựng, sơn, ống nhựa ...) nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế.

Để duy trì và phát triển thị phần thì ngoài những yếu tố như thương hiệu, chất lượng, giá bán ... thì khâu chăm sóc khách hàng sẽ luôn được đơn vị chú trọng. Với phương châm sự hài lòng của khách hàng là thước đo hiệu quả hoạt động SXKD nên trong thời gian tới sẽ tiếp tục thực hiện có chiều sâu, tác phong giao tiếp chuyên nghiệp hơn cả trong nội bộ, trong giao tiếp với khách hàng; đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng ở tất cả các khâu trước, trong và sau bán hàng. Ngoài ra, để nâng cao tinh thần trách nhiệm, khuyến khích tăng thu nhập theo năng lực của từng cá nhân thì đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động theo hướng đảm bảo thu nhập hợp lý trên cơ sở làm theo năng lực, hưởng theo năng suất thích hợp theo từng bộ phận. nhu cầu của thị trường, của khách hàng phải được đáp ứng kịp thời, đầy đủ. Về giá cả, nguồn cung hàng hóa, đảm bảo luôn Công tác lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả, nguồn cung hàng hóa, đảm bảo luôn có đúng chủng loại, đủ số lượng, giao hàng đúng thời gian cho các công trình, các đại lý và thị trường v.v...

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/ TH 2018
1	Giá trị hàng hóa mua vào	1.000đ	115.000.000	104.786.598	104.000.000	91%	99%
	Trong đó giá trị sử dụng nội bộ	1.000đ	47.300.000	45.196.574	38.000.000	96%	84%
2	Doanh thu bán hàng	1.000đ	82.000.000	67.192.575	74.000.000	82%	110%
3	Thu nhập khác	1.000đ	3.500.000	545.576	600.000	16%	110%
4	Giá vốn hàng bán	1.000đ	75.620.000	62.947.336	70.000.000	83%	111%
5	Chi phí gián tiếp phân bổ theo giá vốn	1.000đ	7.380.000	8.297.351	3.600.000	112%	43%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	2.500.000	-3.506.535	1.000.000	-	-

Rà soát, chấn chỉnh có chiều sâu ở tất cả các khâu để đảm bảo các Quá trình luân chuyển hàng hóa phải được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở bất kỳ khâu nào. Kiểm tra việc thực hiện qui trình, qui chế phối hợp làm việc giữa các khâu như nghiệp vụ, bán hàng, điều động, kho bãi, phương tiện ... định kỳ phân tích đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp thực tế nhằm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và phát huy hiệu quả một cách tối ưu. Các nhiệm vụ của kế hoạch năm 2018 sẽ phải được thực hiện nghiêm túc, từng thời điểm có sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích ... để kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện, nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG THI CÔNG SAN LẤP, XÂY DỰNG

Tình hình chung của ngành xây dựng năm 2018 có nhiều khả quan và dấu hiệu tăng trưởng tích cực do:

- Nhà nước có chủ trương thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả; tập trung rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo các quy định pháp luật về quy hoạch.
 - Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tăng tính hấp dẫn để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu... các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm soát chặt chẽ tiến trình đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
 - Từng bước xây dựng các đô thị đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đô thị thông minh, xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về đối tác công tư.
- Tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức, áp lực mà ngành xây dựng phải đối mặt trong thời gian tới là:
- Giá cả nguyên vật liệu sắt, thép, cát... có xu hướng tăng mạnh trong khi tình hình giải ngân quyết toán cho các công trình vẫn còn chậm dẫn đến các đơn vị thi công xây dựng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí vốn để triển khai thi công đúng tiến độ.
 - Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, quyết liệt giữa các đơn vị thi công xây dựng cũng làm cho tình hình càng thêm phức tạp, mất ổn định.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tối ưu nhất, cụ thể:

Các phòng, bộ phận, phân xưởng cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất để giao hàng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ; tiếp tục thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ để hoạt động thi công san lấp, xây dựng hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Chú trọng khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế trong việc bố trí vốn, cung ứng hàng hóa, vật tư ... cho các công trình;

Quản lý chi phí, tài chính và xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho từng công trình theo từng thời điểm phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị;

Xây dựng các biện pháp quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình; Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để lập kế hoạch sử dụng vật tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn sát theo tiến độ thi công của từng công trình.

Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế sự phát sinh tăng giá vật tư của các công trình;

Thực hiện các bước chuẩn bị để thực hiện tốt công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... thường xuyên liên hệ với các bên có liên quan để rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/ TH 2018
1	Doanh thu thi công san lấp, xây dựng	130.000.000	131.588.028	132.000.000	101%	100%
2	Chi phí	127.000.000	130.312.285	130.000.000	103%	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000	1.275.743	2.000.000	43%	157%

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁT

Theo Công ty được biết thì tỉnh đã tổ chức thăm dò, đánh giá trữ lượng, lập kế hoạch đưa vào đấu giá 05 khu vực mỏ cát và quy hoạch thăm dò khai thác cát lòng sông theo Nghị Quyết 08/2014/NQ-HĐND.

Đồng thời năm 2019, nhu cầu cát san lấp của các công trình xây dựng, san lấp mặt bằng và của thị trường vẫn còn rất lớn. Do vậy, đơn vị đang theo dõi sát tình hình, tiến độ triển khai đấu giá quyền khai thác để tiến hành các bước tham gia đấu giá quyền khai thác cát san lấp để có nguồn hàng cung ứng cho thị trường, cho các công trình và mang về doanh thu cũng như lợi nhuận cho đơn vị trong thời gian tới. Vì vậy, năm 2019 đơn vị không lập kế hoạch cụ thể cho hoạt động này.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Theo chủ trương chung của nhà nước thì trong thời gian tới, các cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương, doanh nghiệp cần phối hợp tốt hơn nữa để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về VLXD. Đầu tư sản xuất các loại VLXD thân thiện với môi trường, lựa chọn tìm vật liệu thay thế vật liệu truyền thống. VLXD phải phát triển đáp ứng được nhu cầu cho ngành xây dựng trong nước, hướng tới xuất khẩu ngày càng hiệu quả hơn. Đồng thời, từng bước đổi mới công nghệ sản xuất, tiết kiệm năng lượng, đẩy mạnh sử dụng vật liệu không nung thay thế vật liệu nung.

Nghiên cứu và đưa vào sử dụng chất thải của các nhà máy để sản xuất VLXD. rà soát các quy hoạch VLXD để cập nhật, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp; xây dựng kế hoạch phát triển đối với các VLXD chủ yếu; kiểm soát quá trình phát triển VLXD đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững; nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển VLXD Việt Nam, tập trung vào một số sản phẩm mũi nhọn.

Các địa phương kiểm soát quá trình đầu tư phát triển VLXD đảm bảo tính bền vững, đặc biệt là kiểm soát việc sản xuất gạch đất sét nung và các cơ sở sản xuất VLXD gây ô nhiễm môi trường; tính toán nhu cầu cát xây dựng, vật liệu san lấp để có kế hoạch đáp ứng, chú ý sử dụng vật liệu thay thế cát xây dựng, cát san nền và thực hiện nghiêm quy định báo cáo hoạt động khoáng sản, quản lý nhà nước về khoáng sản.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/TH 2018
1	Doanh thu	2.500.000	1.479.101	1.256.000	59%	85%
2	Chi phí	2.350.000	1.473.003	1.200.000	63%	81%
3	Lợi nhuận trước thuế	150.000	6.098	56.000	4%	918%
4	Tỷ suất LNTT/DTT	6,00%	0,41%	4,46%		

Đối với mặt hàng gạch đất sét nung:

Trong thời gian qua, đơn vị duy trì hoạt động này chủ yếu là để:

- Một là giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại phân xưởng trong thời gian chờ đầu tư sản xuất gạch không nung theo công nghệ mới;
- Hai là có nguồn gạch cung cấp cho các công trình do đơn vị thi công, việc cung cấp này chủ yếu là để có nguồn vật tư để thi công công trình và một mặt là hỗ trợ cho hoạt động xây dựng phát huy hiệu quả, mang về lợi nhuận cho đơn vị. Song song đó là cung ứng một phần cho thị trường để góp phần ổn định tình hình thị trường gạch đất sét nung.
- Ba là nguồn cung gạch nung thành phẩm đơn vị mua từ các tỉnh khác về cung ứng cho thị trường chưa ổn định về giá cả, chất lượng và tiến độ cung cấp.

Từ định hướng chung của Nhà nước và phân tích đánh giá tình hình thực tế của đơn vị trong thời gian qua thì hoạt động này không mang lại hiệu quả về mặt lợi nhuận. Đồng thời để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động sản xuất cho phù hợp với tình hình thị trường, định hướng phát triển của đơn vị, do vậy năm 2019 đơn vị sẽ ngưng hoạt động sản xuất gạch đất sét nung. Song song đó là tiến hành nghiên cứu nhu cầu thị trường, định hướng phát triển vật liệu không nung của tỉnh, công nghệ sản xuất tối ưu nhất để tiến hành đầu tư và tổ chức sản xuất.



Đối với mặt hàng gạch terrazzo:

Mặt hàng gạch terrazzo Đồng Khởi đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường tỉnh Bến Tre, được thị trường đón nhận, tin tưởng và lựa chọn sử dụng cho các công trình cả công nghiệp và dân dụng. Trước chủ trương phát triển đô thị chung của tỉnh, đơn vị sẽ tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm rộng rãi hơn nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự hài lòng tối đa cho khách hàng thì trong thời gian tới đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hoạt động này để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, để đạt mục tiêu trên thì đơn vị phải chú trọng đến:

- Một là tiếp tục thực hiện điều tra, nghiên cứu thị trường để mặt hàng gạch terrazzo Đồng Khởi theo kịp xu hướng phát triển của thị trường;
- Hai là thực hiện tốt khâu hậu mãi, thực hiện các tốt chính sách đối với người môi giới, khách hàng gián tiếp ...;
- Ba là công tác kiểm tra, giám sát từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, giao nhận ... phải đảm bảo tính liên kết của các khâu và đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất khi cung ứng cho thị trường;
- Bốn là thương hiệu gạch terrazzo Đồng Khởi đã được chứng nhận ISO 9001:2015, chứng nhận hợp qui theo TCVN 7744 - 2013. Do vậy, trong quá trình sản xuất phải đảm bảo thực hiện đúng qui trình kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm xuất xưởng đạt các chỉ tiêu theo các tiêu chuẩn đã đăng ký.

Để thực hiện đạt những mục tiêu, định hướng trên thì ngoài sự nỗ lực phấn đấu của tập thể phân xưởng gạch, phòng kinh doanh và từng cá nhân có liên quan trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc được giao thì song song đó Ban Giám đốc sẽ thường xuyên theo sát, nắm bắt tình hình bố trí sản xuất, nhu cầu thị trường ... để có những sự chỉ đạo, phương án giải quyết kịp thời nhằm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/TH 2018
1	Sản lượng gạch TP SX(1.000v)	33.000	21.728	23.000	66%	106%
2	Sử dụng nội bộ (1000v)	14.000	13.642	14.000	97%	103%
3	Sản lượng tiêu thụ (1.000v)	19.000	9.590	10.000	50%	104%
4	Doanh thu (1.000đ)	2.000.000	1.047.053	1.030.000	52%	98%
5	Chi phí (1.000đ)	1.870.000	1.006.553	980.000	54%	97%
6	Lợi nhuận trước thuế (1.000đ)	130.000	40.501	50.000	31%	123%

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TOLE, XÀ GỖ

Năm 2019, song song với việc tổ chức sản xuất chủ yếu là giải quyết hết lượng phiêu nguyên vật liệu tồn kho thì đơn vị sẽ tiến hành đánh giá lại tính hiệu quả, khả năng cạnh tranh với các đối thủ, nhu cầu của các công trình ... để có phương án hoạt động trong thời gian tới. Có hai phương án đối với hoạt động này trong năm 2019:

- Phương án chấm dứt hoạt động: Tiến hành sản xuất hết lượng nguyên vật liệu tồn kho và tìm đối tác thanh lý các máy móc thiết bị này để giảm thiểu các khoản chi phí duy trì hoạt động của phân xưởng.
- Phương án đầu tư nâng cấp, thay thế thiết bị sản xuất: Sau khi phân tích, đánh giá nhu cầu thị trường và khả năng cạnh tranh của đơn vị ... nếu có khả năng cạnh tranh, doanh thu và lợi nhuận có hiệu quả thì sẽ tiến hành đầu tư nâng cấp, thay thế thiết bị sản xuất theo định hướng chung của Công ty. Đồng thời phải thực hiện các biện pháp:

Xây dựng các chính sách bán hàng linh động hơn, đa dạng hơn ... đồng thời tăng cường công tác thị trường để tiếp cận một cách có hiệu quả với các nhóm khách hàng tiềm năng;

Tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào ... để giảm giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/ TH 2018
1	Sản lượng gạch TP SX (1.000v)	25.000	16.228	10.000	65%	62%
2	Sử dụng nội bộ (1.000v)	21.000	14.197	8.500	68%	60%
3	Sản lượng tiêu thụ (1.000v)	4.000	2.031	1.500	51%	74%
4	Doanh thu (1000đ)	500.000	263.243	226.000	53%	86%
5	Chi phí (1.000đ)	480.000	255.324	220.000	53%	86%
6	Lợi nhuận trước thuế (1.000đ)	20.000	7.919	6.000	40%	76%

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNG HÓA

Chức năng chủ yếu của hoạt động này là hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất và thi công xây dựng, do vậy đơn vị không chú trọng đến kế hoạch lợi nhuận do một phần hiệu quả đã chuyển qua các lĩnh vực khác, một phần giá cước vận chuyển được tính trên cơ sở đủ bù chi phí lương nhân viên lái xe, chi phí sửa chữa - bảo dưỡng, chi phí khác có liên quan ... nhằm tạo lợi thế kinh doanh bán hàng và tham gia đấu thầu công trình.

Công tác kiểm tra, tuyên truyền ý thức trách nhiệm đối với người điều khiển phương tiện trong việc chấp hành các nội qui, qui định của Nhà nước, của đơn vị phải được thực hiện thường xuyên; Các qui trình bảo dưỡng, vận hành phương tiện phải được thực hiện nghiêm chỉnh nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của tài xế.

Công tác điều động phương tiện giao nhận hàng phải được phối hợp nhịp nhàng từ khâu tiếp nhận đơn hàng, đặt hàng, điều động phương tiện, giao nhận... nhất là các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phải được từng khâu giải quyết trong phạm vi, chức trách được giao và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/ TH 2018
1	Doanh thu (1.000đ)	1.500.000	1.038.434	1.000.000	69%	96%
2	Chi phí (1.000đ)	1.480.000	1.662.193	1.000.000	112%	60%
3	Lợi nhuận trước thuế (1.000đ)	20.000	0			

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu lao động và tiền lương như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	TH 2018/ KH2018	KH2019/ TH 2018
1	Lao động (người)	125	118	99	94%	84%
2	Thu nhập BQ/người/tháng (1.000đ)	5.800	3.871	6.657	67%	172%

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả các bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay. Mỗi năm, VXB đều tổ chức đi nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên và tổ chức tour đi tham quan cho các cháu thiếu nhi con cán bộ công nhân viên Công ty nhân dịp 1/6... Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty trích quỹ và vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ địa phương, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt công tác xã hội; ủng hộ giúp đỡ người dân vùng đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt, xây nhà tình nghĩa, cầu đường, giao thông nông thôn, nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng hỗ trợ người nghèo tỉnh Bến Tre đi vùng kinh tế mới, ủng hộ quỹ khuyến học, ...

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các công tác giám sát và xử lý chất thải được Công ty quan tâm và áp dụng phòng chống và xử lý kịp thời. Trong năm Công ty không có trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Các mặt hoạt động của Công ty
- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

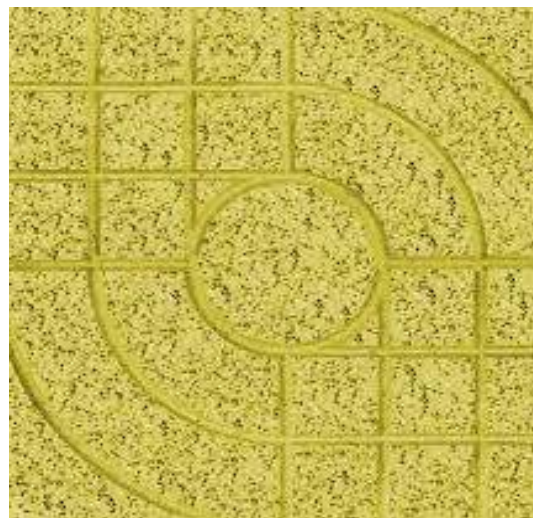
04

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
					TH2018 /TH2017	TH2018/ KH2018
1	Tổng doanh thu	212.594.865	225.000.000	227.297.712	107%	101%
a	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.427.533	221.480.000	226.722.877	109%	102%
b	Thu nhập khác	4.150.369	3.500.000	545.576	13%	16%
c	Thu nhập hoạt động tài chính	16.963	20.000	29.259	172%	146%
2	Tổng chi phí	206.203.516	214.880.000	224.279.818	109%	104%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.391.349	6.600.000	3.017.894	47%	46%
4	Nộp ngân sách	17.748.802	18.400.000	18.862.760	106%	103%

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 101% so với kế hoạch và 107% so với thực hiện năm 2017. Tuy nhiên lợi nhuận của Công ty sụt giảm mạnh, chỉ đạt 46% so với kế hoạch và 47% so với thực hiện năm 2017.
- Đã được phê duyệt và triển khai bán dự án chợ Mỹ Thạnh An.
- Đã hoàn thành việc xây dựng 95% dự án Phú Tân nhưng Công ty còn đang vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục giấy tờ: từ Khu tái định cư thành Khu dân cư do nếu ghi là Khu Tái định cư thì nhà nước lập và thực hiện (theo Khoản 1 Điều 85 Luật Đất đai).



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Trung hạn: Triển khai nhanh, hiệu quả các dự án Công ty làm chủ đầu tư; nâng cao chất lượng thi công, xây dựng các công trình; tăng cường chiếm lĩnh thị phần vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Dài hạn: Mở rộng địa bàn thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng ra các tỉnh lân cận.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh %	
					KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
1	Tổng doanh thu	225.000.000	227.297.712	268.186.000	101%	118%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.600.000	3.017.894	8.686.000	46%	132%

Hoạt động chung

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo quy định và tổ chức họp định kỳ để thảo luận và đưa ra chỉ đạo kịp thời cho hoạt động điều hành.
- Chỉ đạo, phối hợp cùng BGD Công ty hoàn thiện phương án tái cơ cấu toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc rà soát lại hiệu quả hoạt động của từng mảng kinh doanh, rà soát lại số lượng và chất lượng nhân sự và xây dựng chiến lược, chính sách phát triển kinh doanh cho phù hợp. Trình ĐHCĐ giao HĐQT chỉ đạo, giám sát và phê duyệt phương án tái cơ cấu hoạt động của Công ty.
- Đôn đốc thu hồi công nợ phải thu khó đòi: đối với những khách hàng cố tình không thanh toán sẽ thuê đơn vị thứ ba để thu hồi hoặc đưa ra tòa án để xử lý; đối với những khoản tạm ứng nội bộ không thanh toán theo đúng thời hạn sẽ thực hiện trừ lương hàng tháng.
- Về hoạt động đầu tư và các hoạt động khác: trình ĐHCĐ giao HĐQT chỉ đạo, giám sát và phê duyệt thực hiện các dự án:
 - + Dự án Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư Phú Tân – giai đoạn 2 (phường Phú Tân, TP Bến Tre).
 - + Dự án Đầu tư xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An (xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre).
 - + Dự án Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An mở rộng.
 - + Tham gia đấu giá quyền khai thác các mỏ cát.
 - + Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên/năm.

Phân tích SWOT



- Là thương hiệu có uy tín trên thị trường Bến Tre trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất VLXD, thi công xây dựng - san lấp mặt bằng.



- Có đầy đủ hệ thống kho tàng, bến bãi, phương tiện vận tải, thiết bị thi công.
- Hệ thống các cửa hàng đại lý và đối tác rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.



- Lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và gắn bó chặt chẽ với đơn vị; đội ngũ kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng có đủ các chuyên ngành và có đủ nhân sự cùng lúc đảm nhận cùng lúc nhiều công trình lớn.



- Thị trường Bến Tre được chọn làm nhà phân phối để phát triển các nhóm hàng sơn, ống nhựa. Đây là điều kiện thuận lợi để đơn vị tăng doanh thu, tăng lợi nhuận qua việc mua hàng trực tiếp từ nhà sản xuất và phân phối cho thị trường.



- Thường xuyên giao dịch với các tổ chức tín dụng nên khi cần bổ sung nguồn vốn vay công ty có lợi thế về mức lãi suất áp dụng (thấp hơn mức lãi suất chung của thị trường). Đây là điều kiện thuận lợi để công ty triển khai thực hiện các dự án trong năm 2019.



- Được sự quan tâm của UBND tỉnh Bến Tre đối với những công trình cấp nước dân sinh và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt qui hoạch cấp nước của Công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



THẾ MẠNH

S

W



ĐIỂM YẾU



CƠ HỘI

O

T



THÁCH THỨC



- Các chính sách bán hàng, mở rộng thị trường, thị phần ... chưa linh động, chưa theo sát tình hình thị trường. Còn hạn chế trong công tác tham mưu, đề xuất chính sách bán hàng, khuyến mãi ... khâu chăm sóc hậu mãi bán hàng chưa được các bộ phận thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ. Chưa thực hiện tốt công tác tham mưu các chiến lược phát triển, nâng tầm đơn vị.

- Công tác bán hàng, theo dõi thu hồi công nợ hàng bán, thi công xây dựng chưa được các bộ phận thực hiện đúng và đầy đủ theo chính sách, kế hoạch đề ra.



- Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong khâu xác định nhu cầu tài chính, thị trường, nhập xuất hàng hóa, điều động phương tiện ... đôi lúc chưa đồng bộ làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Công ty.



- Chính sách bán hàng trả chậm dễ dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn và làm chậm khả năng quay vòng vốn kinh doanh. Các nhà sản xuất vì mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần sẽ gây áp lực với đơn vị nhằm tăng sản lượng tiêu thụ ... trong khi vẫn áp dụng các chính sách này với các nhà phân phối khác, việc này dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các nhà phân phối khác với đơn vị trên thị trường Bến Tre.



- Việt chia nhóm, hạ giá doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ hơn các tiêu chí trong tham dự hồ sơ dự thầu ngoài những tác động tích cực còn phát sinh vấn đề tiêu cực và tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Thù lao và các khoản giao dịch

05



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Phan Quốc Thông - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc).

Ông Nguyễn Thanh Huy - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1981
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	769.311 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thạnh – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Cơ khí
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	49.301 cổ phiếu, chiếm 1,22% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1962
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	57.937 cổ phiếu, chiếm 1,43% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	15/06/2018	11	100%	
2	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT	15/06/2018	11	100%	
3	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	15/06/2018	11	100%	
4	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT	15/06/2018	9	100%	Bổ nhiệm từ 15/6/2018
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	15/06/2018	10	90%	Bận công tác

CÁC QUYẾT ĐỊNH/ NGHỊ QUYẾT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	Thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
2	02/2018/NQ-HĐQT	08/06/2018	Thông qua việc tái ký hợp đồng tín dụng năm 2018-2019 với ngân hàng BIDV & DAB Bến Tre
3	03/2018/NQ-HĐQT	15/06/2018	HĐQT thống nhất bầu Bà Mai Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và ông Phan Quốc Thông giữ chức vụ Giám đốc công ty. Thông qua phân công nhiệm vụ trong HĐQT và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018. Thông qua việc tái bổ nhiệm Người điều hành Công ty, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> Ông Nguyễn Thanh Huy: Phó Giám đốc phụ trách hoạt động kinh doanh Công ty. Ông Lê Quốc Cường: Phó Giám đốc phụ trách hoạt động khai thác cát Công ty. Ông Nguyễn Hoài Yên: Phó Giám đốc phụ trách hoạt động thi công xây dựng Công ty. Ông Phan Tấn Mỹ: Kế toán trưởng Công ty. Thông qua đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương năm 2018, cụ thể như sau: 4 04/2018/QĐ-HĐQT 02/08/2018 <ul style="list-style-type: none"> Quỹ lương của cán bộ quản lý (05 người): 1.101.888.000 đồng. Quỹ lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 60.000.000 đồng. Đơn giá tiền lương hoạt động sản xuất kinh doanh: 530/1000 đồng lợi nhuận trước thuế và tiền lương. Thông qua việc chuyển nhượng thửa đất tại xã Phú Nhuận Thành phố Bến Tre có diện tích 4.131 m ² với giá bán tối thiểu là 8 tỷ đồng. Thông quan việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty đối với Bà Bui Minh Lý thay cho bà Nguyễn Thị Kim Thi. Ủy quyền ông Phan Quốc Thông ký quyết định bổ nhiệm nhân sự.

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			Ghi nhận số liệu 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty. Về tờ trình đầu tư chợ Mỹ Thạnh An: dự án chợ Mỹ Thạnh An nằm trong kế hoạch đầu tư năm 2018 đã trình Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty. Ban điều hành hoàn thiện Tờ trình đầu tư chợ Mỹ Thạnh An. Về tờ trình đầu tư sà lan tự hành: dự án đầu tư sà lan nằm trong kế hoạch đầu tư năm 2018 đã trình Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty. Ban điều hành bổ sung thuyết minh về năng lực vận tải hiện có, nhu cầu chuyên trở của Công ty. Ban điều hành Công ty đảm bảo tính thanh khoản và an toàn tài chính của Công ty trong phương án đầu tư. Ban điều hành Công ty xây dựng Quy chế nội bộ về đầu tư dự án và mua sắm tài sản.
5	06/2018/NQ-HĐQT	26/09/2018	Thông qua Qui chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
6	07/2018/NQ-HĐQT	30/10/2018	Thông qua Qui chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
7	08/2018/NQ-HĐQT	30/10/2018	Ban hành Qui chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
8	09/2018/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Thông qua Tờ trình của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu trong phương án đầu tư xây dựng công trình chợ Mỹ Thạnh An.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng ban Ban kiểm soát
2	Đỗ Thị Kim Anh	Kiểm soát viên
3	Lê Thị Kim Nương	Kiểm soát viên

LÝ LỊCH CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ông Huỳnh Hữu Phúc - Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh	1972
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính kế toán doanh nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	14.370 cổ phiếu, chiếm 0,35% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Đỗ Thị Kim Anh - Kiểm soát viên	
Năm sinh	1973
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Lê Thị Kim Nương - Kiểm soát viên	
Năm sinh	1961
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	65.837 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng ban	15/06/2018	04	100%	-
2	Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên	15/06/2018	04	100%	-
3	Lê Thị Kim Nương	Thành viên	15/06/2018	04	100%	-

Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các quyết định, Nghị quyết để Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty:
- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, tuân thủ điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Các phiên họp HĐQT trong năm có mời Ban Kiểm soát tham dự.
- Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị theo đúng pháp luật.

Kiểm soát hoạt động của Ban giám đốc

- Cùng với HĐQT, Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành sản xuất kinh doanh.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh chưa đạt so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận đạt được là 45,72% so với kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc về công tác điều hành hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban giám đốc tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ.
- HĐQT, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, làm việc trên tinh thần đoàn kết, cởi mở, thẳng thắn đóng góp xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

THÙ LAO VÀ CÁC LOẠI GIAO DỊCH

THÙ LAO, LƯƠNG THƯỜNG

Đơn vị tính: đồng/năm

A. Thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền nhận
1	Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT	4.420.809
	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT	3.918.444
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	7.234.050
	Cộng		15.573.303

B. Thành viên không tham gia điều hành

1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	5.224.592
	Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	3.315.606
2	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	7.234.050
3	Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	3.315.606
4	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT	3.918.444
5	Võ Bá Trắc	Trưởng BKS	3.315.606
6	Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng BKS	3.918.444
	Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên BKS	2.210.404
7	Lê Xuân Lâm	Thành viên BKS	2.210.404
8	Lê Thị Kim Nướng	Thành viên BKS	2.612.296
9	Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên BKS	2.612.296
10	Nguyễn Thị Kim Thi	Thư ký	2.813.242
11	Bùi Minh Lý	Thư ký	2.009.461
	Cộng		44.710.451
	Tổng cộng (A+B)		60.283.754

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 1300108704 ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 12, đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh A, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : (0275) 3822 319 – (0275) 3829 857
- Fax : 0275 3822 319
- Mã số thuế : 1300108704

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất;
- Khai thác cát sông;
- Vận tải hàng hóa;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thi công san lấp mặt bằng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng, Chi tiết: Đầu tư, quản lý, khai thác chợ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	Ngày 17 tháng 05 năm 2013	Ngày 15 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Quốc Thông	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	Ngày 13 tháng 04 năm 2013	Ngày 15 tháng 06 năm 2018

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc	Ngày 15 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Huy	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 08 năm 2018
Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 08 năm 2018
Ông Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 08 năm 2018
Ông Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	Ngày 02 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng Ban	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Bà Lê Thị Kim Nương	Thành viên	Ngày 15 tháng 06 năm 2018	
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 03 năm 2015	Ngày 15 tháng 06 năm 2018
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	Ngày 29 tháng 04 năm 2008	Ngày 15 tháng 06 năm 2018

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc	Ngày 15 tháng 06 năm 2018

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Số: 029/2019/BCKT-CT.00181

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



PHAN QUỐC THÔNG
Giám đốc
Bến Tre, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2018.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 27 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.021.877.868	130.801.492.938
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.232.564.692	8.610.038.734
Tiền	111	5.1	5.232.564.692	8.610.038.734
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.319.730.429	97.905.357.077
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	76.804.129.006	75.603.934.919
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.964.146.543	1.078.022.431
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	31.772.220.357	21.865.451.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.220.765.477)	(642.051.630)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		29.469.582.747	24.286.097.127
Hàng tồn kho	141	5.6	29.655.044.558	24.286.097.127
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(185.461.811)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.027.608.295	56.537.385.866
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.706.583.432	2.706.583.432
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	2.706.583.432	2.706.583.432
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		15.258.416.378	15.786.990.420
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.422.621.775	14.951.195.817
Nguyên giá	222		31.046.913.228	30.417.255.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.624.291.453)	(15.466.060.122)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	835.794.603	835.794.603
Nguyên giá	228		835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		8.899.887.402	13.848.002.964
Nguyên giá	231	5.10	8.899.887.402	13.848.002.964
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.580.119.074	20.616.348.731
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.11	30.370.983.059	17.807.680.031
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.209.136.015	2.808.668.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.582.602.009	3.579.460.319
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.399.602.009	3.579.460.319
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	183.000.000	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		206.049.486.163	187.338.878.804

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		144.980.773.487	124.037.030.964
Nợ ngắn hạn	310		136.764.776.373	121.022.230.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	20.619.606.001	18.133.325.190
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	18.782.177.806	7.175.083.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.636.131.858	1.718.669.410
Phải trả người lao động	314		-	1.032.160.758
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	3.837.263.950	3.837.263.950
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	636.942.769	1.213.945.552
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	89.337.653.989	87.709.881.420
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		915.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	-	201.901.122
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		8.215.997.114	3.014.800.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	8.215.997.114	3.014.800.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN			
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn chủ sở hữu			
400		61.068.712.676	63.301.847.840
410	5.21	61.068.712.676	63.301.847.840
411		40.490.060.000	40.490.060.000
411a		40.490.060.000	40.490.060.000
411b		-	-
412		4.067.762.000	4.067.762.000
413		-	-
414		-	-
415		-	-
416		-	-
417		-	-
418		14.152.369.189	14.152.369.189
419		-	-
420		-	-
421		2.358.521.487	4.591.656.651
421a		-	19.346.555
421b		2.358.521.487	4.572.310.096
422		-	-
430		-	-
431		-	-
432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	206.049.486.163	187.338.878.804

ĐỖ THỊ THU TRANG
 Người lập biểu

PHAN TẤN MỸ
 Kế toán trưởng



PHAN QUỐC THÔNG
 Giám đốc
 Bến Tre, ngày 27 tháng 03 năm 2019

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
01	6.1	227.033.957.814	208.427.532.855
02	6.2	311.080.727	-
10		226.722.877.087	208.427.532.855
11	6.3	204.865.410.397	186.177.881.755
20		21.857.466.690	22.249.651.100
21	6.4	29.258.582	16.963.878
22	6.5	7.069.650.313	6.836.039.806
23		7.069.650.313	6.836.039.806
25	6.6	3.368.825.237	3.910.851.610
26	6.7	9.479.718.555	9.049.209.246
30		1.968.531.167	2.470.514.316
31	6.8	1.133.998.206	4.150.368.574
32		84.635.428	229.533.472
40		1.049.362.778	3.920.835.102
50		3.017.893.945	6.391.349.418
51	5.16	842.372.458	1.279.330.080
52		(183.000.000)	-
60		2.358.521.487	5.112.019.338
70	6.9	582	881

ĐỖ THỊ THU TRANG
 Người lập biểu

PHAN TẤN MỸ
 Kế toán trưởng



PHAN QUỐC THÔNG
 Giám đốc
 Bến Tre, ngày 27 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế	3.017.893.945	6.391.349.418
Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.167.981.487	2.591.951.629
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	2.679.175.658	137.031.070
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(96.785.701)	(98.518.310)
06	Chi phí lãi vay	7.069.650.313	6.836.039.806
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	14.837.915.702	15.857.853.613
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(8.227.971.637)	19.390.569.860
10	Tăng, giảm hàng tồn kho	(17.932.250.459)	(13.469.385.086)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	13.960.392.241	(19.524.827.738)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	2.179.858.310	2.339.447.571
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(7.069.650.313)	(6.836.039.806)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(819.992.477)	(1.098.087.601)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.040.000	970.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(976.956.700)	(1.403.259.818)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.047.615.333)	(4.742.759.005)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(2.592.579.603)	(5.644.766.814)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	681.818.182	1.181.818.182
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.389.329	16.963.878
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.907.372.092)	(4.445.984.754)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	7.1 Tiền thu từ đi vay	156.339.810.404	127.559.544.746
34	7.2 Tiền trả nợ gốc vay	(149.510.840.721)	(113.360.721.925)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.251.456.300)	(5.061.257.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.577.513.383	9.137.565.321
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.377.474.042)	(51.178.438)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	8.610.038.734	8.661.217.172
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	5.1 Tiền và tương đương tiền cuối năm	6.232.564.692	8.610.038.734

(Handwritten signature)

ĐỖ THỊ THU TRANG
Người lập biểu

(Handwritten signature)

PHAN TẤN MỸ
Kế toán trưởng



PHAN QUỐC THÔNG
Giám đốc
Bến Tre, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được đăng tải tại website của Công ty, chuyên mục Quan hệ Cổ đông theo đường link:

<http://vlxldbentre.com/quan-he-co-dong/>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 12, Đường số 1, Ấp Thuận An, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Số điện thoại: (0275) 3822 319 – 3829 857

Số fax: (0275) 3822 319

Website: www.vlxdbentre.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC
Phan Quốc Chông

(*) Báo cáo thường niên năm 2018 được công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015; và chưa được Đại hội cổ đông thông qua.